

Phát hiện một bản đồ cổ Việt Nam

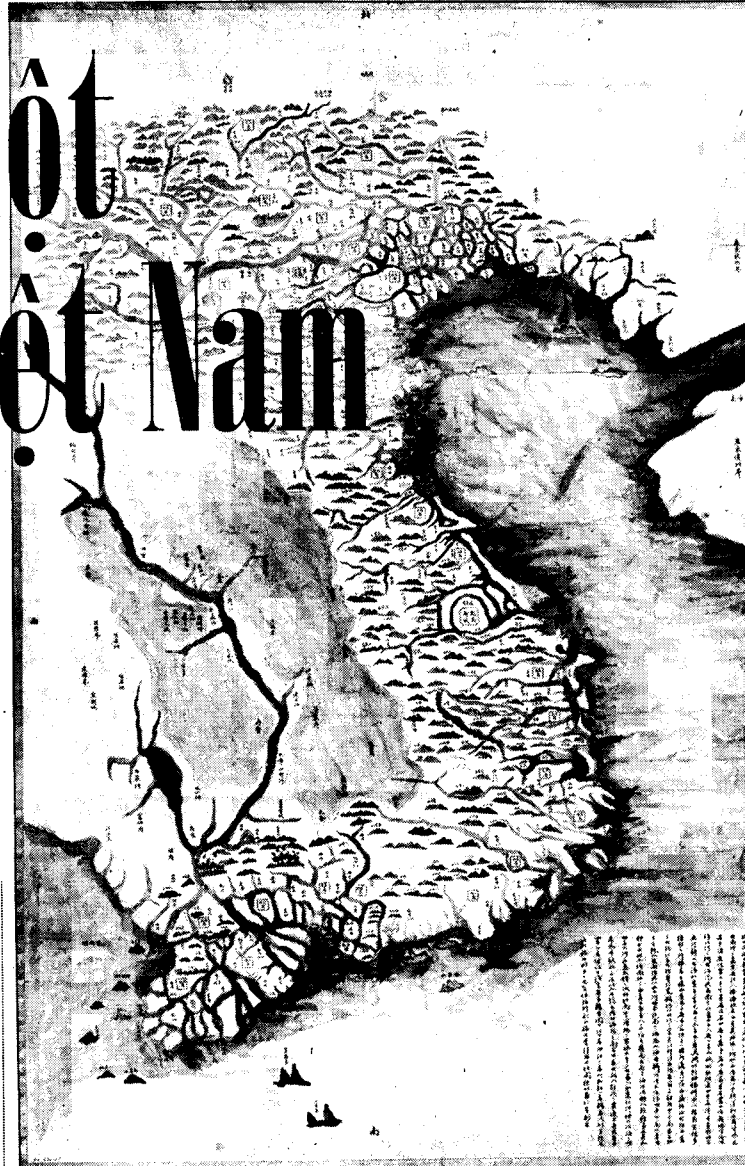
Ngày 28 Tết vừa qua (23-1-2009), tôi nhận được tập san *The Portolan*, cơ quan của Washington Map Society (*Hội bản đồ Washington*), trong đó có bài giới thiệu một bản đồ cổ khá độc đáo của Việt Nam với nhan đề *A Glimpse into Vietnam's Turbulent 19th Century* (Một thoáng nhìn vào đất nước Việt Nam đang biến động ở thế kỷ XIX)⁽¹⁾. Kèm theo là bức thư của tác giả Harold E. Meinheit và Chủ tịch Hội Howard Lange đề nghị tôi cho ý kiến về bài nghiên cứu bản đồ cổ ấy.

NGUYỄN ĐÌNH ĐẦU

Một tấm bản đồ cổ Việt Nam rộng lớn quá cỡ thông thường.

Năm 1982, Thư viện Quốc hội Hoa Kỳ (Library of Congress) mua được bản đồ này của một nhà buôn bản đồ cổ có tiếng của Hoa Kỳ, nhưng không cho biết thêm tin tức gì liên quan và xuất xứ từ đâu tới.

Bản đồ *Việt Nam toàn tỉnh dư đồ* được vẽ bằng bút lông và mực Tàu, trên giấy bản dài 152cm, rộng 98cm. Truyền thống xưa nay của Trung Hoa và Việt Nam chưa vẽ bản đồ nào to lớn như vậy. Đây là bản vẽ "toàn cõi Đông Dương ở vào thời điểm 1830 hay 1840. Tuy nhiên, theo ghi chú ở góc phải cuối bản đồ, lại có cứ liệu cho biết bản đồ được vẽ nhiều thập niên sau đó" (This large manuscript map - 152 x 98cm - executed in brush and ink, portrays Indochina in the 1830s or 1840s. The text in the lower right, however, contains references suggesting it was written several decades later)⁽²⁾. Đất nước Việt Nam thời đó rộng khắp xứ Đông Dương: Nước Chân Lạp (Campuchia) cũ là trấn Tây Thành thuộc Việt Nam và chưa có nước Ai Lao. Trên địa bàn rộng lớn của Ai Lao sau này, khi ấy mới có tiểu vương quốc Nam Chương cũng thuộc Việt Nam. Phần còn lại là các phủ Trấn Man, Trấn Ninh, Trấn Biên, Trấn Tĩnh với vùng Cửu Châu gần Thừa Thiên, hai xứ Thủy Xá - Hòa Xá trên Tây Nguyên và các mường vùng



Việt Nam toàn tỉnh dư đồ - khổ 152 x 98cm năm 1830 hoặc 1840.

tây bắc giáp sông Cửu Long và nước Miến Điện đều là đất đai của Việt Nam. Do vậy, Meinheit đồng nhất về mặt địa lý Việt Nam với Đông Dương. Người Pháp trước đây cũng gọi địa bàn này là *Đông Dương thuộc An Nam* (Indochine annamite); sau khi xâm chiếm rồi họ mới gọi là *Indochine française* (Đông Dương thuộc Pháp)⁽³⁾.

Những nhận xét và phân tích của Meinheit.

- Trên mặt bản đồ không ghi nhan đề, nhưng phía sau có ghi chữ Hán *Việt Nam toàn tỉnh dư đồ*.
- Triều đại mới (Nguyễn) có xu hướng phát triển cương vực về phía tây giáp giới sông Cửu Long.
- Vùng Tây Nguyên (bôi son trên bản đồ) là vùng chủ yếu của dân thiểu số (The red zones - Ethnic minorities a dominant theme) và ghi rõ là Thủy Xá và Hòa Xá.

- Trên bản đồ vẽ rõ lũy Trấn Man (Barbarian Protectorate) để bảo vệ 3 tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, dài 90km, do Lê Văn Duyệt xây đắp.

- Tên các đơn vị hành chính lớn, dưới thời Gia Long gọi là trấn hoặc doanh, từ năm 1831 - 1832 dưới thời Minh Mạng đều gọi là tỉnh. Trên bản đồ ghi hết là tỉnh; thí dụ: Hà Nội tỉnh trước là Đông Kinh, Phú Xuân tỉnh trong có Việt Nam đô thành.

- Tên quốc gia dưới thời Gia Long gọi là Việt Nam. Năm 1838, Minh Mạng đổi ra Đại Nam. Trên bản đồ đều ghi là Việt Nam, vậy bản đồ này được vẽ trước năm 1838? Thật là mâu thuẫn với các ghi chú về sự kiện hay địa danh thuộc thời điểm 1860 - 1870. Như sự kiện Lưu Vĩnh Phúc kéo quân Cờ Đen vào lập đồn trại chống Pháp ở Sơn Tây năm 1865, mãi đến năm 1885 Lưu Vĩnh Phúc còn đem quân đánh Pháp ở Tuyên Quang. Vậy bản đồ này được vẽ vào thời điểm nào?

- Bản đồ chưa vẽ xong, vì đảo Phú Quốc chưa thành hình, mới vẽ được mấy căn nhà cư trú trong đảo mà thôi. Quần đảo Hoàng Sa và Vạn Lý Trường Sa cũng chưa được ghi họa. Bản đồ ghi tên đủ 31 tỉnh, nhưng hai tỉnh Hưng Hóa và Quảng Yên chưa được viền son. Trong đoạn này Meinheit hiểu sai về *Tự Long bi đình* ở phần cực bắc nước ta. Ông tưởng đây là dinh cơ hay đền tưởng niệm (Pavilion or memorial) mà sao vẽ sơ sài thế hay vẽ chưa xong. Sự thật đây chỉ là tấm bia làm biên giới giữa Việt Nam (ghi là Giao Chỉ quốc) và Trung Quốc, nằm gần sông Đồ Chứ. Năm 1888, Pháp nhượng bộ cho nhà Thanh làm chủ vùng đất này của nước ta từ bao thế kỷ, rộng khoảng 800km vuông và có nhiều mỏ đồng.

Những phỏng đoán và thắc mắc của Meinheit.

- Khó mà biết thời điểm chính xác của bản đồ. Theo chú thích thì bản đồ vẽ khoảng 1860 và 1875. Nhưng hình dáng và nét vẽ thì bản đồ được phác họa năm 1830 hay 1840.

- Bản đồ quan tâm nhiều hơn về phía tây với các ghi vẽ đường thủy bộ tới vùng dân tộc thiểu số cư ngụ, có lẽ vì mục đích chống xu hướng xâm chiếm của Xiêm La hồi 1830 và 1840.

- Bản đồ được vẽ do một quan chức Việt Nam hay một nhà địa lý Trung Hoa quan tâm đến lân bang ở phía nam Trung Quốc.

Chúng tôi hoan nghênh và tri ơn Meinheit đã công bố và nghiên cứu khá sâu sắc tấm bản đồ cổ Việt Nam rộng lớn có một không hai này. Những nhận xét và thắc mắc của ông kể là chính đáng, nếu không tìm ra manh mối của sự việc ghi vẽ bản đồ với những chi tiết hầu như mâu thuẫn rõ ràng. Chúng tôi đã để suốt thời gian nghỉ Tết nghiên cứu bài giới thiệu và nhận thấy bản đồ cổ này có những nét vẽ tương đồng với các bản đồ trong bộ sách *Đông Khánh địa dư chí*⁽⁴⁾. Tra cứu nơi chính sử *Thực Lục*

ta sẽ thấy đầy đủ những gì liên quan đến công cuộc chế tác tấm bản đồ cổ quý giá này.

Cần có bản đồ địa lý lịch sử chính xác để tránh cho Việt Nam khỏi bị thua thiệt về cương vực.

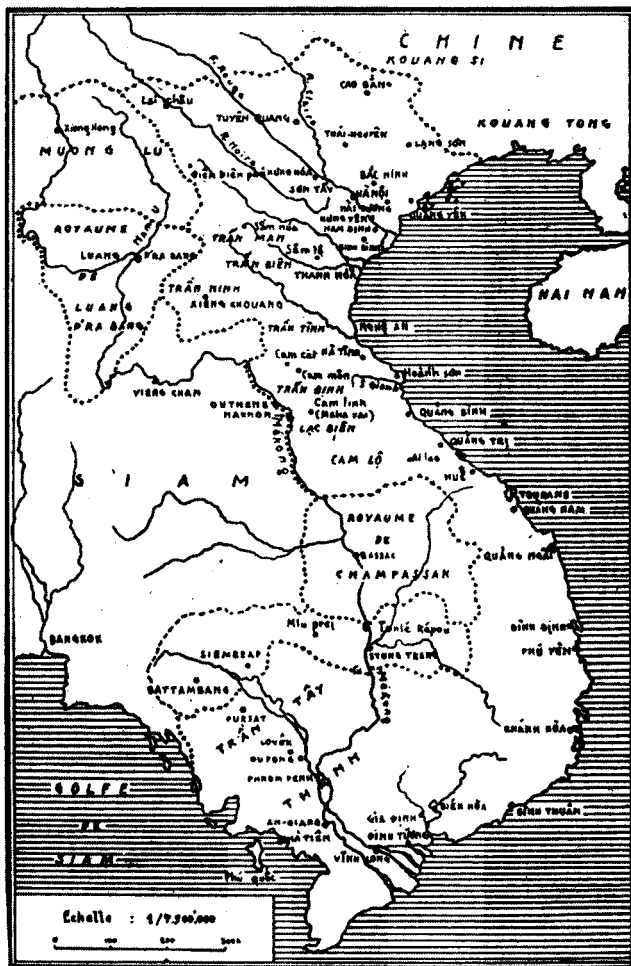
Sử *Thực Lục* ghi: Tháng 6 năm Bình Tuất (1886), "Toàn quyền đại thần Bôn Be (Paul Bert) tư nói: ngày tháng 7 năm ngoái, đô thống Cô Suy định ra 6 khoản điều ước mới, nước ta, phần nhiều có thua thiệt, nay đã đem bỏ bản ước ấy rồi. Nước ta đã tôn đại thần Pháp là chức Hàn lâm trực học sĩ, đại thần Pháp muốn tỏ ý kiến chuộng văn, giao cho 1.000 đồng bạc; nếu có người nào có thể đích cứ vào đầu xét rõ bờ cõi nước ta khi trước thẳng đến bờ phía đông sông Khung Giang, và ghi chép rõ các loại man lạp trong hạt, dân tình, phong tục, chính sự, sản vật, và cách sinh nhai, biên đóng thành sách dâng lên, đợi sai quan xét duyệt, người được dự hạng trúng thì xin đem số tiền ấy chia từng hạng thưởng cấp (hạng nhất thưởng 800 đồng, hạng nhì 200 đồng).

"Vua cho là quý đại thần định ra là muốn được kẻ thực tài, chuẩn cho theo thế mà làm, nhưng dụ cho quan các phủ, tỉnh trong kinh và tỉnh ngoài, đều đem hỏi khắp cả, không cứ quan, lại, sĩ, dân, người nào là kiến văn rộng rãi, có thể biết rõ các việc đã nghĩ ấy, biên chép thành sách, hạn trong 6 tháng, tại kinh thì do bộ Lễ, tại tỉnh ngoài, do quan địa phương làm danh sách đệ lên, đợi chuẩn cho quan xét duyệt, quả là người thông hiểu có thể làm được thì chia thứ bậc, trừ đã có toàn quyền thưởng riêng ra, triều đình sẽ cho bổ dụng; và chuẩn cho quan viện Hàn lâm thưởng thêm cho người trúng hạng nhất 400 đồng bạc, hạng nhì 100 đồng bạc, để tỏ thể lệ rộng rãi mà mong được thực dụng"⁽⁵⁾.

Ba tháng sau, không có một ai trong quan chức cũng như ngoài dân gian thông thạo vấn đề "bờ cõi nước ta khi trước thẳng đến bờ phía đông sông Khung Giang" tức sông Mê Kông hay Cửu Long và có thể "ghi chép rõ các loại man lạp trong hạt" tức các dân tộc thiểu số, để nhận lãnh giải thưởng lớn lao vừa kể.

Thế nên, sử *Thực Lục* ghi: Tháng 9, "Sai làm sổ sách biên chép cương giới nước ta. Bấy giờ viện Cơ mật tâu nói: Cương giới nước ta, phía bắc gần với nước Đại Thanh, phía tây nam giáp với nước Xiêm La, Miến Điện; từ trước phải có giới hạn đích ở chỗ nào. Từ trước đến giờ, quốc sử ít thấy chép đến, thấy nghe cũng ít, nhiều lần các đại thần toàn quyền, khâm sứ Đại Pháp có ý nghiên cứu, hoặc định treo thưởng; hoặc có nghe thấy gì, thì tự đi yêu cầu để xem xét. Về việc treo thưởng, nhiều lần đã vàng lời dụ thông sức, chưa có người hưởng ứng."

"Kể ra bờ cõi non sông cũng là cách học bác vật, biển rộng mây trùng, đường xa muôn dặm, người ta còn nghĩ dò tìm được, huống chi cương giới nước ta, mà lại "còn mà không bàn, bàn mà không xét", tưởng



Việt Nam dưới thời Minh Mạng (Bản đồ Lê Thành Khiết)

không phải chỉ để cho người biết được ít nhiều! Nghĩ nên xin phái quan, thuộc, tìm xét khắp cả, duy công việc ở Bộ, Viện, Quán, Các bề bộn, nếu giao cho làm kiêm cả, sợ không chuyên chủ kỹ càng, khó mong thành hiện. Xin nên đặt viên có trách nhiệm để đơn đốc việc ấy, Quang lộc tự khanh lãnh Thị lang bộ Lại Hoàng Hữu Xứng là người trầm tĩnh, học cũng hơi rộng, xin cho theo nguyên hàm sung làm Đồng lý, cấp cho ấn khâm phái quan phòng, và phái viên dịch theo để làm việc, đến ở phòng Nội các làm việc, phạm hể nước ta tiếp giáp với nước Thanh, nước Xiêm, và sông Khung Giang, đích là chỗ nào, đều xem xét rõ ràng, cần có chứng cứ đích xác, biên chép thành sách và vẽ đồ bản để tham khảo, (Tháng sau, vua chuẩn cho viên ấy đến sở tu thư ở Quốc sử quán)⁽⁶⁾.

Hai tháng sau, sử *Thực Lục* chép: “Tháng 11, viên trông coi việc làm tập biên cương giới là Hoàng Hữu Xứng nghĩ dâng sách ấy phạm lệ có 12 điều:

- Về nguyên được chuẩn cho kiểm xét cương giới nước ta tiếp giáp với nước Thanh, nước Xiêm, nước Diên và sông Khung Giang đích là chỗ nào, biên tập thành sách. Nay kính xét miển thượng du nước ta lấy sông Khung làm giới hạn, thì từ Nghệ An trở vào nam, có giáp sông ấy, còn từ Nghệ An trở về Bắc, thì

giáp giới với sông ấy, không liên can với nhau. Sách này, xin chuyển lấy cương giới tiếp giáp các nước làm chủ, sông Khung cũng xét cả một thể, tùy theo địa phương nào, thông với sông ấy, biên thêm vào, để phòng xem xét, nhưng đặt tên sách là *Đại Nam cương giới vịnh biên*, không phải cùng biên cả chữ “Khung Giang”.

- Về sách này chuyên chủ cương giới tiếp giáp với các nước, và biên thêm những địa phương thông với sông Khung. Nay kính xét các sách vở hoặc các nhà biên chép cất làm của riêng, về thượng du dọc theo biên giới, đoạn nào như có ghi chép cũ: nước ta tiếp giáp với các nước và tiếp giáp với hai bên tả, hữu sông Khung, là tên ở đất ở phủ, huyện, châu nào, hoặc trại Man nào, xin phải biên chép tất cả. Đoạn nào, như chưa rõ địa giới ấy thuộc về nước ta, nhưng chép là “trại Man ở nước ta” (như Man Thạch Bích, hoặc các Man tiêu điều lán trại linh tinh, tuy hoặc chúng đối với ta, khi theo, khi phản bất thường, nhưng ở bờ phía đông sông Khung, đều là các trại Man trong giới hạn nước ta), nơi thuộc về nước khác, thì vẫn chép là địa phận nước mỡ. Về hạ du, giáp biển, thì chỉ tra xét tên cửa biển, ghi chép cả để nêu rõ toàn đồ. Còn các nơi hơi xa, cùng giới hạn không liên tiếp nhau, và tất cả dân phong, thổ sản đã chép cả ở bộ *Gia Long nhất thống địa dư chí* nay chỉ chép qua thôi.

- Về cương giới tiếp giáp và hai bên tả hữu sông Khung, phải xét biên tên đất các trại Man đều là căn cứ ở sách cũ và thuyết cũ, từ trước đến nay, không phải không tùy thời thay đổi, (như các loại hoặc chỗ ấy, nguyên là lán trại của Man, nên sách cũ, thuyết cũ đã chép vào, nhưng nay đã điều tán dời đi nơi khác, cũng là có khi nguyên là Man ấy, nhưng nay bị bọn Man khác lấy cả), nhưng nay không xét vào đâu cho đúng được, xin phải kiểm xét, nguyên ủy nơi nào đích xác thì biên chép tất cả, không thì vẫn theo sách cũ, thuyết cũ chép điền vào.

- Về cách chép tổng quát, là chép tất cả toàn cõi nước ta, các địa phương các đời thay đổi thế nào, tuy đã chép ở *Dư địa chí*, sách này, xin cũng dò xét tận nguồn gốc biên qua ở phần trên, sau đến số dặm dài, rộng, cả nước hiện đặt bao nhiêu phủ, tỉnh, đạo; cuối cùng đến cương giới, lấy sông Khung phụ thêm vào, bản đồ thì cho biên rõ ở chỗ giáp giới và sông Khung mà thôi.

- Về cách chép riêng biệt, là chia riêng từng tỉnh mà chép, xin phải chiếu theo thứ tự chép tổng quát, đều chiếu theo địa phận tỉnh chép riêng ra, duy lại ghi rõ các đạo, phủ huyện, châu hiện đặt trong cả tỉnh, nhưng lấy kính sư làm tôn trọng, đầu tiên là phủ Thừa Thiên, sau đến các tỉnh từ Thừa Thiên trở vào nam, trở ra bắc. Trong đó, tỉnh nào không có giới tiếp với nước khác, thì vẫn theo từng khoản, biên rõ những chữ: “Không có tiếp giáp với nước khác”, để cho bản đồ riêng, cũng theo từng tỉnh vẽ kế tiếp.

- Về tiếp giáp các xứ, xứ nào hề từ trước nước ta có cùng nước khác khám định, hoặc lấy tự báo bản định, tra trong sách Sử có chép rõ ràng, thì tùy thuộc tỉnh phận nào đem chép ra hết để tham khảo.

- Về địa phận ở dọc biên giới, từ trước là thuộc nước ta, nhưng nay tuy đã mất vào nước khác (như loại trước kia nhà Hồ, nhà Mạc cắt đất cho nhà Minh, nhà Thanh) xin cũng chiếu theo trước thuộc hạt tỉnh nào, ghi chép vào, cho biết lai lịch.

- Về phía sau miền núi nước ta, có đường sông nào mà chảy thông được đến sông Khung, thì đường sông ấy phát nguyên và chảy qua phủ, huyện, châu nào, hoặc trại Man nào, xét các sách vở có thể căn cứ, cũng ghi vào cả.

- Về 6 tỉnh ở Nam kỳ, nay là quản hạt của nước Đại Pháp, sách này biên chép cương giới có lẽ nên chiếu từ Thừa Thiên trở vào Nam đến Bình Thuận, trở ra Bắc đến Cao Bằng, nhưng gián hoặc có biên đến địa phương nào sông Khung chảy qua, thì đoạn hạ lưu sông Khung ở cả vào khoảng An Giang, Định Tường; thì 6 tỉnh ở Nam kỳ xin phải chép cả vào trong khoản chép tổng quát, và chép riêng biệt để cho còn danh hiệu.

- Về địa phương Cao Miên, đã được tiên triều kinh lý, ghi cả vào bản đồ, sau rồi bỏ đi, nay cũng xét qua

sự tích biên thêm vào sau, cho biết đầu đuôi.

- Về xưa nay cùng truyền, cương giới của nước là việc lớn, mà từ trước đến nay không có chứng cứ; đã có các nhà bàn luận (như loại dựng cột đồng của Mã Phục Ba) cũng phải chép cả cho đủ các thuyết.

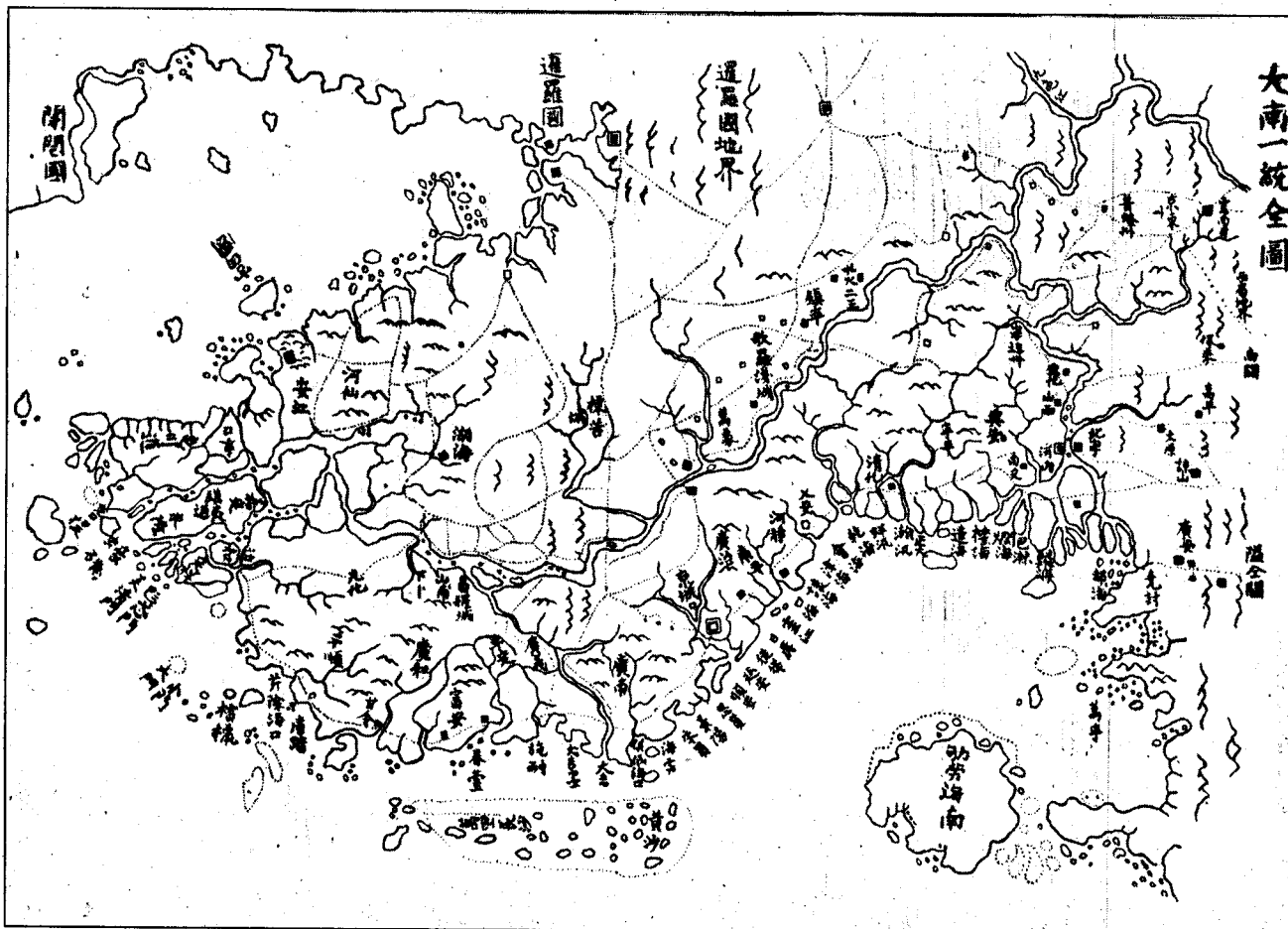
- Về các sách biên thuật lại, gián hoặc có nói đến cương giới nước ta và nguyên lưu sông Khung chảy đến đâu, trong đó thường có chỗ nói khác nhau, có chỗ giống nhau, cũng chép cả lưu lại, để đợi khảo chính⁽⁷⁾.

Hoàng Hữu Xung và các chuyên gia phụ thuộc thực hiện công trình *Cương giới vịnh biên* theo đúng nguyên tắc như vừa kể. Năm tháng sau, công trình hoàn thành.

Ngày 9 tháng 4 năm Đinh Hợi (1887), sử *Thực Lục* ghi: "Pho sách *Cương giới vịnh biên* đã xong", (gồm 7 quyển và 1 bức địa đồ).

"Cho Đồng lý Hoàng Hữu Xung, thực thụ hàm Thị lang bộ Lại, thự Tả tham tri (nguyên lãnh Quang lộc tự khanh); các người tùy phái đều gia thưởng (thăng trật, kỷ lục hay tiền) có thứ bậc. Rồi cho Hữu Xung sung chức Toán tu ở Quốc sử quán"⁽⁸⁾.

Khi ấy Paul Bert đã chết ngày 11-11-1886, không hiểu số tiền 1.000 đồng bạc thưởng cho ai thực hiện được công trình có đem chia cho Hoàng Hữu Xung



Đại Nam thống nhất toàn đồ năm 1840

và cộng tác viên không? Chính sử chỉ ghi đến đây là hết về *Cương giới vịnh biên*.

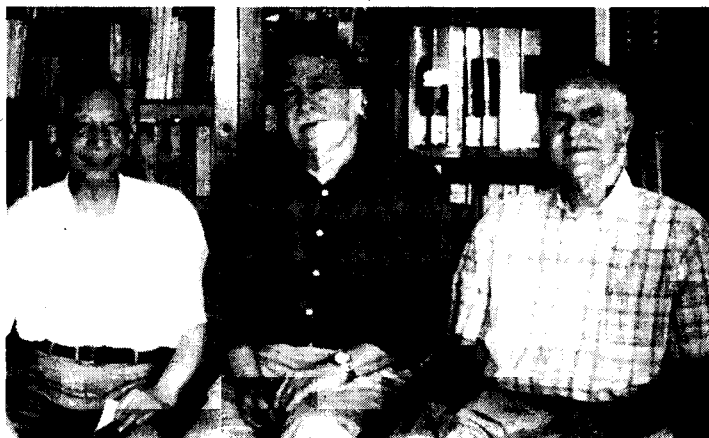
Nhà sử học Phan Thuận An đã viết bài *Hoàng Hữu Xứng: tác giả sử học - địa lý Việt Nam thế kỷ XIX* trên báo *Cửa Việt* số 17 tháng 10 năm 1992. Trong có bản dịch tờ tấu của Hoàng Hữu Xứng - một bổ túc thông tin cho *Thực Lục* - giúp ta hiểu thêm về quá trình nghiên cứu và biên soạn pho sách *Cương giới vịnh biên*, và đặc biệt về lý lịch tấu *Đại tổng đồ* mà ta đang quan tâm:

"*Khâm phái Sở Tu Thư, Quang lộc Tự khanh, Lãn Hữu thị Lang Bộ Lại, thần là Hoàng Hữu Xứng, kính tâu: vừa biên soạn thành dạng bản sách Đại Nam quốc Cương giới Vịnh biên, nay cung kính tiến trình cùng với bản tấu để xin Hoàng thượng thẩm định. Vào một ngày thuộc tháng 9 năm ngoái, tiếp được phiến chỉ do Viện Cơ Mật cung lục, Hoàng thượng chuẩn định thân sung làm Đồng lý trong việc nghiên cứu kiểm tra cương giới nước ta, tỉnh nào tiếp giáp với Trung Quốc, Xiêm La, Miến Điện, Khung Giang (sông Cửu Long), đích thị là xứ nào, cần có căn cứ chính xác, sưu tập lại, biên chép thành sách và vẽ thành bản đồ. Khảo cứu đầy đủ rồi lại được Hoàng thượng đặt tên cho sách là Đại Nam quốc Cương giới Vịnh biên, và tuân hành làm theo bài phạm lệ gồm 11 điều:*

Thần trộm nghĩ sách này có thể làm rõ về sự quan hệ ở cương giới. Cương giới phía tây của miến thượng du nước ta, từ xưa đến nay triều đình chưa đến kinh lý, còn có nạn sách vở tam sao thất bản, việc khảo đính lại thiếu sót.

Nhưng nay tuân chiếu theo phạm lệ, thần đôn đốc việc sưu tầm tìm hiểu các sách và bản đồ nước ta và Trung Quốc cũng như Tây phương, rồi nghiên cứu, dịch thuật, ghi chép, thu thập lại (Sách là Thực Lục chính biên của nước ta, tham khảo thêm những sách của các nhà biên thuật. Bản đồ thì các loại bản đồ của nước ta, tham khảo thêm bản đồ của Trung Quốc và Tây phương, cùng bản đồ mới vẽ của các tỉnh. Nếu có nhượng bộ đến năm ba tỉnh thì cũng kính xin đề cập tới luôn, vì sự ghi chép cương giới ở những nơi đó cũng chưa được rõ ràng).

Nếu có chỗ chưa biết được rõ thì để khuyết chứ chẳng dám làm một cách khiên cưỡng hoặc lấy ý mình mà điền thế vào. Tùy theo nơi, nếu cần thì làm phần cần án phụ thêm ở dưới mỗi khoản, đợi sau sẽ khảo đính. Toàn bộ sách và từng phần của sách đều



Từ trái sang: ông Nguyễn Đình Đầu, tác giả Harold E. Meinheit và Chủ tịch Hội Howard Lange -

Ảnh chụp tháng 1 năm 2009 tại TP.HCM

nhưng vẫn còn sai lầm thiếu sót, xin kính sợ tuân theo những điều sửa chữa.

Hoàng thượng đã chuẩn cho các đại thần ở viện Cơ Mật là Nguyễn Hữu Độ, Phan Đình Bình, Nguyễn Thuật và Hoàng Hữu Thường đọc và sửa.

Nay kính cẩn viết thành dạng bản và vẽ riêng một bức bản đồ chung lớn (đại tổng đồ), đều xin tiến trình, dám xin mạo muội kính đệ lên cùng tập tấu, và xin đợi tôn ý quyết định của Hoàng thượng.

Kính tâu,

Ngày mồng 9 tháng 4 năm Đông Khánh thứ hai (tức 1-5-1887)

Thần: Hoàng Hữu Xứng⁽⁹⁾.

Các sử liệu nêu trên đã giải đáp được toàn thể thắc mắc của Meinheit. Bức bản đồ chung lớn - đại tổng đồ đây là kết quả công trình nghiên cứu vịnh biên của Hoàng Hữu Xứng, nhằm ngày 1-5-1887. Mục đích chủ yếu của công trình là xác định biên giới của Việt Nam về phía tây tiếp giáp với sông Mêkông, thậm chí có đoạn lấn sang cả hữu ngạn nữa. Cương vực Việt Nam rộng từ ái Nam Quan (đại tổng đồ có vẽ rõ) tới mũi Cà Mau. Phía bắc giáp Trung Quốc (đại tổng đồ ghi *Tụ Long bi đình*, nhưng sau Pháp nhường cho Trung Quốc). Phía tây giáp Miến Điện và Xiêm La. Khi Pháp chiếm được cả Đông Dương thuộc Việt Nam rồi chia ra ba nước Việt Nam - Lào - Cao Miên và độc đoán vạch đường biên giới cho ba nước với những thiệt thòi về phía Việt Nam. Tuy nhiên, ngày nay nước ta vẫn tôn trọng biên giới lịch sử ấy. Để bổ sung cho "đại tổng đồ" chưa vẽ xong này, chúng ta nên nghiên cứu kết hợp với hai bản đồ: 1) *Đại Nam nhất thống toàn đồ* công bố khoảng năm 1840 có vẽ rõ hai quần đảo Hoàng Sa và Vạn Lý Trường Sa, 2) Bản đồ *Đại Nam dưới thời Minh Mạng* của Lê Thành Khôi có vẽ rõ các tiểu vương quốc thuộc Việt Nam kể cả các châu mường, như Mường Lủ có biên giới giáp Miến Điện.⁽¹⁰⁾

Tra trong Thư mục đề yếu *Di sản Hán Nôm Việt Nam* nơi hai mục từ *Đại Nam cương giới vịnh biên*

và *Đại Nam quốc cương giới vịnh biên*, ta thấy còn lưu trữ 5 bản viết (7-Q), 1 phàm lệ, 1 mục lục, 1 biểu “dăng sách” và các bản sao chép lẻ từng phần, hiện Viện Hán Nôm vẫn bảo vệ tốt, có số nhỏ sao chép trùng lặp để ở Thư viện Hiệp hội Châu Á (Société asiatique) tại Paris⁽¹⁾. Không thấy nơi đâu nhắc nhở tới “đại tổng đồ”. Bản đồ to lớn đặc biệt này thất lạc tự bao giờ, không ai hay. Chỉ biết rằng năm 1982, Thư viện Quốc hội Hoa Kỳ mua được từ một nhà buôn bản đồ cổ có tiếng ở Mỹ. Thật là may!

Để kết thúc bài báo này, chúng tôi xin nói lời cảm ơn đến người giới thiệu tấm “đại tổng đồ” đã thất lạc trên 120 năm (1887 - 2009) là Harold Meinheit, một nhà ngoại giao chuyên nghiệp tham gia Ban giám đốc *Washington Bản Đồ*. Chúng tôi cũng xin tỏ lòng thân phục tác giả công trình nghiên cứu vịnh biên và tấm “đại tổng đồ” là Hoàng Hữu Xứng (sinh năm 1831 tại Quảng Trị, đậu cử nhân năm 1852, làm Huấn đạo huyện Tuy Viễn, Bình Định năm 1860, giữ chức Biện lý ở Bộ Binh khoảng năm 1869, Bó chánh Thanh Hóa năm 1873, Thự tuần phủ Hà Nội năm 1880, nhậm án để phản đối Pháp khi bị bắt năm 1882, bị cách chức rồi được phục hồi làm Tu soạn viện Hàn lâm năm 1884, làm Đồng lý biên soạn *Cương giới vịnh biên* tháng 6-1886, giữ nhiều chức vụ khác rồi Thượng thư Bộ Công năm 1889, về hưu năm 1900 và qua đời năm 1905).

Hoàng Hữu Xứng đáng kể là người có công đầu trong việc nghiên cứu lịch sử và vẽ bản đồ “Vịnh biên” nước ta từ thời Đông Dương thuộc Việt Nam đến lúc Pháp xâm chiếm gọi là Đông Dương thuộc Pháp. ■

CHÚ THÍCH:

- (1) *The Portolan*, Journal of the Washington Map Society Issue 73 Winter 2008. Trong có bài *A Glimpse into Vietnam's Turbulent 19th Century* của tác giả Harold E. Meinheit (từ tr. 18 đến 27).
- (2) Như trên, tr. 19.
- (3) Maybon, *Histoire moderne du pays d'Annam (1592 - 1820)*. Paris, 1919. tr. 45 và 278.
- (4) *Đông Khánh địa dư chí*. Ngô Đức Thọ dịch. Nxb Thế Giới, 2003.
- (5) *Đại Nam thực lục*. Tập XXXVII Viện Sử Học phiên dịch. Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1977, tr.177 - 173.
- (6) Như trên, tr. 208 - 209.
- (7) Như trên, tr. 217 - 220.
- (8) Như trên, tr. 281.
- (9) Phan Thuận An, *Hoàng Hữu Xứng: tác giả sử học - địa lý Việt Nam thế kỷ XIX*. Trong sách *Nếp nhà - Họ Hoàng*. Nxb Trẻ, TP.HCM 2001, tr.38 - 49.
- (10) Lê Thành Khôi, *Le Viet Nam - Histoire et Civilisation*. Les Editions de Minuit. Paris, 1955. Trích bản đồ số 15 đặt sau 514.
- (11) Viện Nghiên cứu Hán Nôm và Viện Viễn đông Bác cổ Pháp, *Di sản Hán Nôm Việt Nam Thư mục đề yếu*. Nxb Khoa học - Xã hội, Hà Nội, 1993. 1. tr. 480 và 496.